

DANH SÁCH SV NHẬN THƯỞNG TỶ
LỆ % HB KKHT VÀO TRỢ CẤP XÃ
HỘI
HK2
năm
học
2017 -
2018

(Kèm theo Quyết định số 3209/QĐ-
ĐHSP ngày 02 tháng 11 năm 2018)

STT	MSS	Họ và tên	Ngày sinh	Xếp loại	Khoa	Diện trợ cấp	Mức nhận
1	41.0 1.90 2.01 1	Ka Anh	13/03/ 1996	Giỏi	GDM N	Dân tộc thiểu số, vùng cao	3,066 ,000
2	41.0 1.90 4.00 2	La Thị Đào	28/11/ 1997	Giỏi	GDĐ B	Dân tộc thiểu số, vùng cao	2,847 ,000
3	42.0 1.61 1.09 4	Phù A Sim	08/03/ 1998	Giỏi	TLH	Dân tộc thiểu số, vùng cao	3,066 ,000
4	41.0 1.90 2.17 8	K' Úc	23/04/ 1995	Xuất sắc	GDM N	Dân tộc thiểu số, vùng cao	5,518 ,800
5	43.0 1.90 1.13 6	Yang N'him Kar	22/06/ 1999	Khá	GDTH	Dân tộc thiểu số, vùng cao	919,8 00
6	43.0 1.60 9.02 1	Dương Kim Mỹ	22/06/ 1999	Khá	KHG D	Dân tộc thiểu số, vùng cao	919,8 00

Danh sách sinh viên nhận thưởng tỉ lệ % học bổng KKHT và trợ cấp xã hội

Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 08:49

7	43.0 Thông Mỹ 1.90 Thị 2.09 9	25/07/ Khá 1999	GDM N	Dân tộc thiểu số, vùng cao	919,8 00
8	43.0 Bùi Cam 1.90 Thị 2.01 Hồng 1	02/02/ Khá 1999	GDM N	Dân tộc thiểu số, vùng cao	919,8 00
9	42.0 Nguyễn Ngọc 1.90 n Thị 4.03 Như 6	04/06/ Khá 1997	GĐĐ B	Mồ côi cha mẹ	919,8 00
10	41.0 Phạm Lộc 1.61 Thanh 1.06 Phước 6	09/09/ Khá 1993	TLH	Khuyế t tật	919,8 00
11	43.0 Vũ Ng An 1.61 uyễn 1.00 Thành 1	05/12/ Khá 1998	TLH	Khuyế t tật	919,8 00
12	41.0 Hồng Huy 1.90 Thanh 1.06 7	09/04/ Giỏi 1997	GDTHH	Hộ cận nghèo	3,066 ,000
13	41.0 Lê Hiếu 1.60 Văn 9.02 7	15/10/ Khá 1996	KHG D	Hộ cận nghèo	919,8 00
14	42.0 Nguyễn Trang 1.90 n Thị 2.22 Thủy 0	08/06/ Giỏi 1998	GDM N	Hộ cận nghèo	3,066 ,000
15	43.0 Đặng Linh 1.60 Thị 5.08 Mỹ 4	20/02/ Khá 1999	GDCTH	Hộ cận nghèo	919,8 00
16	43.0 Phạm Cẩm 1.60 Thị 6.01 Ngọc 3	05/07/ Khá 1999	Ngữ văn	Hộ cận nghèo	919,8 00
17	41.0 Nguyễn Bích 1.90 n Thị 1.00 Ngọc 7	03/02/ Xuất 1997 sắc	GDTHH	Hộ cận nghèo	5,518 ,800
18	41.0 Trần Quỳnh 1.90 Thị	26/01/ Giỏi 1997	GDTHH	Hộ cận	3,066 ,000

Danh sách sinh viên nhận thưởng tỉ lệ % học bổng KKHT và trợ cấp xã hội

Thứ hai, 05 Tháng 11 2018 08:49

	1.15 Như				ngheo	
	5					
19	42.0 Quách Kiều	24/07/	Giỏi	KHG	Hộ	3,066
	1.60 Thị	1996		D	ngheo	,000
	9.03 Mỹ					
	4					
20	41.0 Nguyễn Tuấn	13/08/	Khá	GĐTHH	Hộ	919,8
	1.90 n Anh	1997			ngheo	00
	1.21					
	3					
21	42.0 Trươn Vinh	20/11/	Khá	Tiếng	Hộ	1,125
	1.75 g Thị	1997		Nhật	ngheo	,600
	5.19 Trà					
	5					
22	43.0 Hoàng Hiền	15/03/	Giỏi	Địa lý	Hộ	3,066
	1.61 Thị	1999			ngheo	,000
	3.00					
	7					
23	42.0 Đào Duyệt	03/06/	Khá	Ngữ	Hộ	919,8
	1.60 Thị	1997		văn	ngheo	00
	1.01 Mỹ					
	2					
24	42.0 Trần Việt	29/07/	Giỏi	GDM	Hộ	3,066
	1.90 Thị	1998		N	ngheo	,000
	2.19					
	5					
25	41.0 Chu Xuân	28/03/	Xuất	GDM	Hộ	5,518
	1.90 Thị	1997	sắc	N	ngheo	,800
	2.19 Thanh					
	5					
26	43.0 Nguyễn Hà	12/01/	Khá	Ngữ	Hộ	919,0
	1.60 n Thị	1999		văn	ngheo	00
	7.02 Xuân					
	9					
27	41.0 Nguyễn Hân	13/02/	Giỏi	GĐCTH	Hộ	3,066
	1.60 n Hồ	1997			ngheo	,000
	5.02 Gia					
	3					